

TÌM HIỂU TRIẾT LÝ VỀ GIAO TIẾP TRONG TỤC NGỮ NGƯỜI VIỆT VÀ TỤC NGỮ CÁC DÂN TỘC KHÁC

*Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*
(Tục ngữ Việt)

TS NGUYỄN VĂN NỞ

1. Mở đầu

Con người sáng tạo ra ngôn ngữ và nó trở thành phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của xã hội loài người. Trong quá trình vận dụng, người ta luôn chú ý đến việc tổ chức lời nói sao cho đạt hiệu quả cao. Ngay từ thuở xa xưa, lúc chưa có ngành khoa học về ngôn ngữ, các dân tộc đã đúc kết những kinh nghiệm vận dụng lời ăn tiếng nói của mình trong tục ngữ (TN) và cho đến nay, những kinh nghiệm này vẫn còn nguyên giá trị. Cho dù chỉ mới là kinh nghiệm, nhưng tính triết lý ngôn giao dân gian đó vẫn giàu sức thuyết phục và có thể sẽ sống mãi với thời gian. Đây là vì TN thể hiện tính triết lý của mình một cách hình tượng, hàm súc, đậm hơi thở của cuộc sống cùng sự trải nghiệm từ chính thực tế nói năng. Qua khảo sát TN Việt và TN các dân tộc*, chúng ta thấy điểm tương đồng về cách nghĩ cùng cả sự dị biệt trong phương thức thể hiện. Đằng sau mỗi câu TN, đằng sau những hình ảnh, những kinh nghiệm khái quát từ chính cuộc sống ấy là bản

sắc văn hoá, là phong cách sống, là lối nói, cách nghĩ của mỗi dân tộc.

2. Một số nội dung triết lý về giao tiếp trong tục ngữ

2.1. Về tác dụng của lời ăn tiếng nói

Trước hết, người ta nhận thức rõ tầm quan trọng và giá trị của lời ăn tiếng nói. Ngôn ngữ là công cụ dùng để giao tiếp. Nhưng khi sử dụng ngôn ngữ, người phát ngôn không chỉ thuần túy chuyển tải thông tin khách quan mà còn nhằm tác động vào người thụ ngôn, chinh phục đối tượng hoặc thể hiện sự đánh giá tình cảm của mình... Ngôn ngữ có sức mạnh thật diệu kì. Nó có thể làm cho con người gần gũi, gắn bó: "*Lời nói nên vợ nên chồng*" (TN Việt) hay mãi cách xa "*Cái lưỡi tuy không xương nhưng nó có thể gãy đổ vỡ*" (*A tongue has no bone but it can break*, TN Thổ Nhĩ Kỳ). Nó có thể làm cho chúng ta yêu thương hay căm giận; có thể

* Với tục ngữ các nước, chúng tôi chủ yếu khảo sát và dẫn theo quyển Từ điển tục ngữ thế giới, (dịch giả Lê Thành) của Gerd De Ley (Nxb Lao động, H., 2005).

làm cho đối tượng tham gia giao tiếp phơi phới yêu đời: “*Một lời nói thân tình thì cũng tựa một ngày xuân*” (*A friendly word is like a spring day*, TN Nga) hoặc dằn vặt, đốn đau “*Lời nói đau hơn roi vọt*” (TN Việt) hay tiếc nuối, day dứt khôn nguôi: “*Miếng ngon nhớ lâu, lời đau nhớ đời*” (TN Việt); “*Dấu người ta có thể lấy mũi tên ra khỏi vết thương, nhưng một lời đắng cay thì vĩnh viễn ghim sâu vào tim bạn*” (*An arrow can be pulled out of a wound, but a hurtful word stays forever in your heart*, TN Iran). Lời nói có thể gây nên chiến tranh “*Khẩu thiệt đại can qua*” (TN Trung Quốc); “*Không ít chiến tranh đã bùng nổ chỉ vì một từ ngữ*” (*More than one war has been caused by a single word*, TN Arabia) mà cũng có khả năng làm “*sóng yên biển lặng*”... Vì thế, khi nói về giá trị của lời ăn tiếng nói, người Việt đã dùng những hình ảnh biểu trưng cho sự quý giá để so sánh như: “*Lời nói, gói vàng*”; “*Lời nói quan tiền tám lạng*”... Còn tục ngữ Nga và Ucraina có sự tương đồng là so sánh lời nói thân tình, từ tế với bánh ngọt: “*Một lời nói thân tình thì ngon hơn một cái bánh ngọt to nặng*” (*A friendly word is better than a heavy cake*, TN Ucraina); “*Một lời từ tế thì còn hơn một cái bánh nhân nướng ngon béo*” (*A word of kindness is better than a fat pie*, TN Nga). Thực tế giao tiếp cho thấy ngôn từ có sức mạnh thật diệu kì. Một lời động viên, cổ vũ chân thành có thể giúp ta vững bước trên đường đời: “*Với một lời nói thân tình thì bạn có thể đi xa hơn là với cái gậy trong tay*” (*With a friendly word you get farther than with a club*, TN Ukraine); vượt qua

mọi trở ngại: “*Với một lời dịu dàng, bạn có thể mở cái cổng bằng sắt*” (*One gentle word opens a gate of iron*, TN Bulgaria); chinh phục cảm tình với người khác và thành công trong mọi việc: “*Với miệng lưỡi ngọt ngào thì ta có thể mua chịu cả ngựa*” (*Sweet tongues buy horses on credit*, TN Hawaii); “*Những lời nói thân thiện, tuy chẳng đáng giá, nhưng mang lại nhiều điều*” (*Friendly words gain much and cost nothing*, TN Tây Ban Nha).

Giá trị càng cao thì người sở hữu càng phải trân trọng, giữ gìn khi vận dụng bởi:

*Vàng sa xuống giếng khôn tìm,
Người sa lời nói như chim sổ lồng*
(TN Việt)

Cũng với triết lí trên, người Bulgaria có câu: “*Một lời sắp nói ra thì cũng tựa hòn đá sắp được ném đi*” (*A word about to be spoken is like a stone that is ready to be thrown*). Còn người Nga thì: “*Một lời nói đã thốt ra thì cũng tựa con chim sẻ bay đi, không bắt lại được*” (*A spoken word is like a sparrow that one has flown away, cannot be caught again*). TN Hàn quốc và Madagascar cũng có những câu triết lí tương tự, chỉ khác đôi chút về hình ảnh, cách diễn đạt: “*Lời nói không có cánh nhưng nó sẽ bay xa ngàn dặm*” (*Words have no wings but they can fly a thousand miles*, TN Korea); “*Lời nói bay xa hơn những viên đạn*.” (*Words go farther than bullets*, TN Madagascar); “*Lời nói cũng tựa như trứng mới nở: chẳng bao lâu chúng sẽ có cánh*” (*Words*

are like newly hatched eggs: they already have wings, TN Madagascar).

Không biết kiểm soát ngôn từ, nói không đúng chỗ; lựa chọn và sử dụng các phương tiện ngôn ngữ chưa hợp lí, không phù hợp với đối tượng, không diễn đạt chính xác tâm tư tình cảm của mình thì có thể gây nên những hậu quả khôn lường. Bởi vì dù "Lời nói gió bay" nhưng có thể "há miệng mắc quai" do "Một lời đã trót nói ra, dù rằng bốn ngựa khó mà đuổi theo"; "Sẩy chân đã có ngọn sào, sẩy miệng biết nói làm sao bây giờ" (TN Việt). Malaysia còn có cách thể hiện quyết liệt, khẳng định dứt khoát hơn: "Cái thân bị giết bởi cái miệng" (*The body is skilled by the mouth*). Triết lí trên nào phải là lời nói suông. Đó chính là sự đúc kết từ thực tế nói năng của bao lớp người mà ngay chính chúng ta cũng có thể đã trải nghiệm hoặc là chứng nhân. Trong cuộc sống, có lắm trường hợp người nói không kiểm chế trước một sự việc gì đó nên bực dọc, tức giận hoặc do đố kỵ, ghen ghét, cứ phát ngôn cho há giận, đã tức và sau đấy lại phải âm thầm hối hận, day dứt khôn nguôi. Nó không chỉ làm đánh mất tình cảm, rạn nứt mối quan hệ mà còn làm hủy hoại thanh danh, thay đổi cái nhìn của người khác về mình. Người có học hay kẻ thất phu; tuổi trẻ sôi nổi, bồng bột hoặc người già chín chắn, trải đời; bậc lãnh đạo khả kính đến dân đen bần hàn... đều có thể rơi vào trường hợp này. Và dĩ nhiên, vị thế càng cao mất mát càng nhiều. Về điều này, tục ngữ Hy Lạp cũng có câu: "Một lời nói ra trong lúc giận có thể làm hỏng cả cuộc đời" (*One word spoken in anger may spoil an entire life*).

2.2. Về bài học vận dụng ngôn từ

Ngôn ngữ có sức mạnh rất to lớn nhưng không vì thế mà bộ phận tục ngữ phản ánh những kinh nghiệm nói năng chỉ coi trọng đến việc "điều câu khiến chữ", đến hình thức của lời nói. Người ta thừa nhận cái lô gích "Nói ngọt lọt đến xương" (TN Việt); "Đá mòn nhưng lời nói thì vẫn tồn tại" (*Stone decay, words last*, TN Samoa) nhưng cũng khẳng định một thực tế "Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo"; "Guom hai lưỡi miệng trăm hình"; "Lưỡi mềm độc quá con ong" (TN Việt); "Ngay cả một lời nói dịu dàng cũng có nọc độc của nó." (*Even a soft speech has its own poison*, TN Syria)... Do đó, tục ngữ còn phản ánh yêu cầu cao về tính chân thật của lời nói; lời nói phải đi đôi với việc làm: "Nói chín thì phải làm mười, nói mười làm chín kẻ cười người chê"; "Nói lời thì giữ lấy lời, đừng như con bướm đậu rồi lại bay" (TN Việt). Người Tây Tạng cũng có cùng triết lí như thế. Nếu người Việt cho "Lời nói gió bay" thì họ lại ví: "Lời nói chi là bọt nước; việc làm là những giọt vàng" (*Words are mere bubbles of water; deeds are drops of gold*). Còn TN Do Thái thì khuyên: "Hãy hứa ít và làm nhiều." (*Promise little and do a lot*).

Tục ngữ một số nước khác cũng đòi hỏi cao tính chân thật của lời nói và phê phán những giọng điệu giả dối, đầu môi chót lưỡi: "Nếu bạn nói dối rồi sau đó nói ra sự thật thì sự thật đó sẽ bị xem là lời nói dối" (*If you tell a lie and then tell the truth, the truth will be considered a lie*, TN vùng Sumer); "Một lời nói dối có nhiều dị bản nhưng sự thật thì không" (*A lie*

has many variations, the truth none, TN Phi Châu). Ở đây dường như có sự mâu thuẫn. Một mặt, tục ngữ đề cao sức mạnh của lời nói hay, "nói ngọt"; mặt khác lại tỏ ra hoài nghi với những câu đường mật, giả dối: "*Miệng mật ngọt, tim mật đắng*" (*Mouth from honey, heart of gall*, TN Bồ Đào Nha) nên khẳng định giá trị của lời nói ngay, nói thật, nói phải: "*Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi lành*"; "*Một câu nói ngay bằng ăn chay cả tháng*"; "*Nói phải củ cải cũng nghe*"; "*Nói gần nói xa chẳng qua nói thật*" (TN Việt)... Và, tục ngữ lại chỉ ra một thực tế không thể chối cãi đối với người thụ ngôn là: "*Nói thật, mất lòng*"; "*Thuốc đắng dã tật, nói thật mất lòng*"; "*Nói ngay hay trái tai*" (TN Việt); "*Nói sự thật thì nguy hiểm, nghe sự thật thì phiền phức*" (*To tell the truth is dangerous; to listen to it is boring*, TN Denmark).

Thoạt nhìn tưởng như mâu thuẫn và dễ nghĩ rằng tính triết lí về giao tiếp trong tục ngữ thiếu nhất quán. Nhưng thật ra, nó lại rất đúng, linh động, đời thường, rất thực chứ không xám xịt, bó hẹp trong một vài quy luật khô cứng. Sự tồn tại của chúng cho đến nay là minh chứng đầy sức thuyết phục. Rõ ràng việc vận dụng ngôn ngữ không hề đơn giản và bài học ngôn từ có lẽ sẽ không hề xưa cũ đối với mọi người và ở mọi thời. Ngoài ra, để làm tăng sức thuyết phục khi giao tiếp, người Anh có lời khuyên: "*Hãy nói những từ dịu dàng và sử dụng những lí lẽ vững chắc*" (*Use soft words and hard arguments*). Và đôi khi trong giao tiếp, không phải lúc nào lời nói cũng cần thiết. Về điều này, người Do Thái có câu: "*Nói là*

bạc, im lặng là vàng" (*Talking is silver, silence is golden*). Còn người Thổ Nhĩ Kỳ thì cho rằng: "*Im lặng là âm nhạc của những người khôn ngoan*" (*Silence is music to a wise man*).

2.3. Về mối quan hệ giữa lời nói và phong cách

Ngôn ngữ là công cụ chung dùng để giao tiếp trong một cộng đồng nhưng mỗi người, khi sử dụng lại có những thể hiện riêng, có thói quen ngôn ngữ khác nhau. Ngay cả mỗi cá nhân, cùng một nội dung thông báo nhưng nếu hoàn cảnh, đối tượng, mục đích giao tiếp... thay đổi thì việc vận dụng ngôn ngữ cũng có sự thể hiện khác biệt. Tất cả những điều này tạo nên sự sinh động, đa dạng, phong phú và biến đổi không ngừng của ngôn ngữ giao tế. Sự hiện thực hoá ý tưởng bằng những phát ngôn cụ thể trong quá trình ngôn giao đều mang đậm dấu ấn phong cách của mỗi người. Có thể nói qua lời ăn tiếng nói, người ta phần nào thể hiện tâm hồn, tính cách và tình cảm của mình... Nếu Buffon (1707 - 1788) - một nhà văn, nhà lí luận Pháp - có khẳng định: "*Phong cách là chính con người*" (*Le style, c'est l'homme*) thì từ xa xưa, điều này đã được TN người Việt đề cập. Khác với cách nói mang tính hàn lâm, tục ngữ thể hiện cái lô gích của mình bằng lối nói so sánh đầy hình tượng; giàu sắc thái biểu cảm mà không kém phần triết lí: "*Vàng thì thử lửa thử than, chim khôn thử tiếng người ngoan thử lời*"; "*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe*"; "*Đất tốt trồng cây rườm rà, những người thanh lịch nói ra dịu dàng*"; "*Đất rắn trồng cây ngắt nghiu, những người*

thô tục nói điều phàm phu" (TN Việt). Người Đan Mạch lại thể hiện triết lí đó một cách cụ thể: "Người thế nào, ngôn ngữ thế ấy" (*As the man is, so is his language*).

Ai cũng có lúc "nhà ngọc phun châu" và lắm khi không thể kiềm lòng mà tuôn ra những lời khó nghe, khiếm nhã. Nhưng cái lô gích trên quả thật đúng và đáng suy ngẫm. Trong quá trình giao tiếp, ngoài sự tác động do các nhân tố khách quan còn có sự chi phối từ chính bản thân người nói như: thói quen ngôn ngữ, nghề nghiệp, tính cách, tình cảm, giới tính, địa bàn cư trú,... Tất cả những điều này sẽ ảnh hưởng đến việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện ngôn ngữ khi giao tiếp. Lời nói là kết quả của sự tổng hoà từ rất nhiều các nhân tố khác nhau, cả chủ quan lẫn khách quan. Và, cũng chính từ lời nói, qua thực tế giao tiếp hàng ngày, ta thấy được chủ thể phát ngôn là người như thế nào: hiền hoặc dữ; tốt hay xấu; trầm mặc hay sôi nổi; nhân ái hay thâm độc; khôn ngoan hoặc ngu dốt; dịu dàng hay chanh chua, cục súc... Về điều này, TN một số nước có đúc kết sự đánh giá con người qua lời nói như: "Thùng rỗng và người vô dụng là những thứ ồn ào nhất" (*Empty barrels and insignificant people always make the most noise*, TN Hy Lạp); "Đứa khôn ưa nói, người khôn ưa nghe" (*The fool speaks, the wise can listen*, TN Ethiopia). Lời nói thể hiện con người. Lời nói cho ta biết người đó là ai, tâm tư, tình cảm thế nào, vì: "Cái lưỡi nói ra điều con tim suy nghĩ" (*What the heart thinks, the tongue speaks*, TN Romania). Lời nói là thước đo tầm nhìn, nhận thức, trí tuệ; là phẩm chất cốt cách bên trong

cho nên được đánh giá cao hơn bề ngoài giàu sang, lịch sự: "Thà ăn nói khôn ngoan còn hơn bánh bao chải chuốt" (*Better wise language than well combed hair*, TN Iceland); "Lời nói cũng tựa lưới nhện: nó là sự che chở cho những người khôn ngoan và là cái bẫy cho những người kém thông minh" (*Words are like the spider's web: a shelter for the clever ones and a trap for the not - so - clever*, TN Madagascar).

2.4. Về mối quan hệ giữa lời nói và vị thế xã hội

Tục ngữ còn đề cập đến vị thế của người giao tiếp. Mỗi người, khi tham gia giao tiếp, bao giờ cũng xuất hiện với một tư cách, một cương vị nhất định được xác lập từ những mối quan hệ gia đình và xã hội. Có mối quan hệ ngang vai, có mối quan hệ không bằng vai. Trong quan hệ giao tiếp không bằng vai, rõ ràng lời nói của vai trên có "sức nặng" hơn vai dưới. Trên nói, dưới nghe. Gia đình và xã hội khó mà ổn định và phát triển nếu trật tự này bị xoá nhòa hay không được tôn trọng. Nhưng điều đó cũng không cho phép vai trên muốn nói gì thì nói theo kiểu "Chân lí nằm trong tay kẻ mạnh"; "Cả vú lấp miệng em". Khi đề cập đến vị thế của người giao tiếp, sự thể hiện của tục ngữ có phần nào đó vừa mỉa mai, chỉ trích vừa bi quan, chua chát: "Tay mang túi bạc kè kè, nói quấy nói quạ người nghe ầm ầm"; "Trong lưng chẳng có một đồng, lời nói như rỗng chúng chẳng thêm nghe"; "Miệng nhà quan có gang có thép" (TN Việt)... Điều này cũng dễ hiểu vì cái lô gích đó đa phần là cái lô gích của những người nông

dân thấp cổ bé miệng ngày xưa. Thân phận họ như "con ong, cái kiến" và lời nói bị xem nhẹ như vỏ trấu, rơm khô. Sự bất bình đẳng trong các mối quan hệ; sự phân chia giai cấp sẽ nảy sinh đấu tranh. Đây là quy luật tất yếu. Nhưng ở đây cũng xuất hiện một nghịch lí: "Người nói thì không mạnh, người mạnh thì không nói" (*The talkers aren't strong, The strongs don't talk*, TN Myanmar)

3. Những kinh nghiệm về giao tiếp được rút ra từ tục ngữ

Từ việc chỉ ra giá trị của ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ với lời nói cá nhân, tục ngữ đã khái quát nên một số kinh nghiệm thiết thực.

3.1. Cần ngắn gọn

Tục ngữ người Việt có câu: "Ăn bớt bát, nói bớt lời". Một trong những nguyên nhân về việc sử dụng lời nói không đạt hiệu quả cao là do nói nhiều mà lượng thông tin không được bao nhiêu. Và hơn thế nữa, hậu quả của sự quá lời là bộc lộ những sai sót có thể có: "Ăn lắm thì hết miếng ngon, nói lắm thì hết lời khôn hoá rồ"; "Năng ăn hay đói, năng nói hay lầm"; "Hương thấp năng khổi, người năng nói năng lổi" (TN Việt)... Cái gì quá mức độ cũng không hay, do đó cần phải biết điều tiết: "Rượu nhạt uống lắm cũng say, người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm" (TN Việt); "Ai luôn miệng nói năng, người đó nói những điều vô nghĩa" (*He who talks incessantly, talks nonsense*, TN Bồ biển Ngà); "Ở

đâu lắm lời, ở đó thiếu trí tuệ" (*Where there is a glut of words, there is a dearth of intelligence*, TN Ấn Độ); "Đừng nói nhiều bởi những gì mà bạn không biết thì lớn hơn những điều mà bạn đã biết" (*Don't talk too much, because your ignorance is greater than your knowledge*, TN Tây Ban Nha). TN Đan Mạch không chỉ dùng ở lời khuyên cần nói năng ngắn gọn mà còn phải năng tự vấn: "Ta nên nói ít với người khác và nói nhiều với chính mình" (*One should speak a little with others and a lot with oneself*).

Cái triết lí ở đây là đòi hỏi cao về lượng thông tin chứ không phải là độ dài lời nói. Chính xác hơn, tục ngữ đòi hỏi có một mối quan hệ phù hợp giữa lượng và chất. Một văn bản dài nhưng nếu thông tin phong phú, không thừa từ, thừa ý vẫn là một văn bản đạt được tính ngắn gọn. Một phát ngôn ngắn vẫn bị coi là dông dài nếu diễn đạt theo kiểu "dây cà ra dây muống". Người xưa quan niệm, nói nhiều chưa chắc là người có hiểu biết mà đôi khi là do "thùng rỗng kêu to". Tục ngữ Nga có câu: "Nói ít đi thì sẽ thông minh hơn". Tục ngữ Việt không thiếu những câu thể hiện điều này: "Người khôn ăn nói nửa chừng, để cho người dại nửa mừng nửa lo"; "Người khôn nói ít làm nhiều, không như người dại lắm điều rườm tai"; "Khôn ngoan chẳng lọ nói nhiều, người khôn mới nói nửa điều đã khôn"... TN Armenia cũng có cách nói tương đồng:

“Ai nói nhiều thì biết ít” (*He who speaks a lot learns little*). Người Đan Mạch thì nói: “Con người có hai tai và một cái miệng, vì vậy ta phải lắng nghe nhiều hơn nói” (*A man has two ears and one mouth, he therefore should listen more than he talks*). Trong khi đó người Đức thì nhấn mạnh: “Người khôn ngoan là người có đôi tai dài và lưỡi ngắn” (*The wise man has long ears and a short tongue*). Rõ ràng, yêu cầu ngắn gọn khi giao tiếp là yêu cầu mang tính phổ quát. Người ta thường không thích kẻ nhiều lời. Sự lảm nhảm đôi khi làm hại chính mình: “Quá nhiều lời sẽ làm cho đôi tai bạn thâm đen” (*Too many words blacken your ears*, TN Burundi). Thậm chí, họ còn đề cao sự im lặng: “Sự khôn ngoan bao gồm 10 phần - chín phần im lặng và một phần kiệm lời” (*Wisdom consists of ten parts - nine parts of silence and one part with few words*, TN Arabia)

3.2. Nói năng cần phải suy nghĩ

Người Nhật có câu: “Ai nói nhanh thì dễ mắc những lỗi lầm” (*The fast talker makes mistakes*). Rõ ràng, một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự thiếu sót, non kém trong vận dụng ngôn ngữ là do không cân nhắc, lựa chọn ngôn từ để vận dụng phù hợp trong từng cảnh huống giao tiếp cụ thể. Điều này đã được nhân dân ta khái quát trong câu: “Ăn có nhai, nói có nghĩ”. Một sự so sánh rất bình dân, mộc mạc nhưng cũng rất thâm

thuý. Đây có thể coi như là quy luật tất yếu. Con người không thể sống nếu không ăn và cũng khó thể tồn tại và phát triển nếu thiếu sự giao tiếp. Trong quá trình thực hiện các hành động này, nếu nhai không tốt, nghĩ chưa sâu thì đều có thể dẫn đến kết quả xấu. Để nhấn mạnh điều này, tục ngữ Việt đã nêu lên những hậu quả khôn lường khi nói năng thiếu nghĩ suy bằng những so sánh giàu hình tượng: “Sẩy chân còn hơn sẩy miệng”; “Vạ ở miệng mà ra, bệnh qua miệng mà vào”; “Vạ tay không hay bằng vạ mồm”... TN Trung Hoa có câu: “Nói mà không suy nghĩ thì tựa như bắn mà không ngắm”. Yêu cầu đó cũng có phần tương đồng khi đề cập đến bài học về sự vận dụng ngôn từ. Người Iran có nói: “Đừng dùng những từ quá to lớn so với miệng của bạn” (*Do not use words that are too big for your mouth*). Còn người Đức thì: “Đừng để cái lưỡi nói ra điều mà cái đầu bạn sẽ buồn khổ.” (*Don't let your tongue say what your head may have to pay for*). TN Kenya cũng có lời khuyên: “Đừng nói ra điều vừa chợt lóe lên trong tâm trí bạn” (*Do not say the first thing that comes to your mind*). Và người Pháp thì nhấn mạnh: “Hãy suy nghĩ nhiều, nói ít và viết ít hơn nữa” (*Think much, say little, write less*).

3.3. Cần phải lựa lời khi giao tiếp

Các phương tiện ngôn ngữ ở tất cả các cấp độ (ngữ âm, từ vựng, cú pháp) luôn tồn tại những hình thức

biểu đạt cùng nghĩa. Mỗi hình thức biểu đạt cùng nghĩa như thế phù hợp với từng điều kiện giao tiếp cụ thể. Do đó, việc lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ khi giao tiếp là một thao tác bắt buộc. Có lựa chọn tốt thì mới có thể tạo ra một lời nói hay. Phong cách học hiện đại đã chỉ ra cụ thể những thao tác lựa chọn, quy luật lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ nhằm tạo ra các phát ngôn đạt hiệu quả giao tiếp cao. Tuy nhiên, vốn ngôn ngữ dồi dào (tiền đề khách quan cho sự lựa chọn) cùng với việc nắm vững quy luật, thao tác lựa chọn vẫn chưa đủ. Giữa lí thuyết trong sách vở với thực tế sống động trong việc vận dụng lời ăn tiếng nói hàng ngày vẫn có một khoảng cách và bị chi phối rất lớn bởi cá nhân người nói. Khi tranh luận, phê bình, chỉ trích, do không nén nổi bức xúc, đôi khi chúng ta dùng những từ khiếm nhã, nặng nề cho hả giận, đã tức. Điều này có lẽ ai cũng từng trải nghiệm và chắc chắn sẽ còn gặp phải. Giá trị đích thực của hoạt động ngôn giao không chỉ là thông tin mà còn là để con người gần nhau, yêu thương nhau; tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau hay chia sẻ những niềm đau nỗi buồn để cùng vượt qua những khó khăn, trở ngại mà vươn lên trong cuộc sống. Cách thức nói năng, giao tiếp thể hiện văn hóa của cá nhân và của cả cộng đồng. Trong *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Trần Ngọc Thêm có viết: “*Lối giao tiếp ưa tế nhị, ý tứ là sản phẩm của lối sống trọng tình*

và lối tư duy coi trọng các mối quan hệ (tư duy tổng hợp, biện chứng). Nó tạo nên một thói quen dẫn dắt cân nhắc kĩ càng khi nói năng” [7, 282]. Có thể nói, lấy tình cảm làm nguyên tắc lựa lời là văn hoá ứng xử, giao tiếp của người Việt: “*Chim khôn chưa bắt đã bay, người khôn chưa nói dang tay đỡ lời*”; “*Chim khôn ai nở bần, người khôn ai nở nói năng*”; “*Hoa thơm ai nở bỏ rơi, người khôn ai nở nặng lời đến ai*”; “*Người khôn ai nở roi đòn, một lời nói nhẹ hãy còn đắng cay*”... Lời khuyên này có lẽ không bao giờ cũ, không bao giờ thừa với tất cả mọi người. Triết lí trên cũng tương đồng với một số nước khác. Thí dụ như: “*Hãy liếm môi trước khi phát ngôn*” (*Before you let your voice be heard, first lick your lips*, TN Indonesia); “*Một lời nói dịu dàng và sự tha thứ thì tốt đẹp hơn là gây thương tổn rồi bỏ đi*” (*A kind speech and forgiveness is better than alms followed by injury*, TN Islam); “*Khi cái miệng nói vấp thì còn tệ hơn cái chân bị vấp*.” (*When the mouth stumbles, it is worse than when the foot does*, TN Oij- Tây Phi).

4. Kết luận

Ngôn ngữ là công cụ dùng để giao tiếp. Nhưng khi sử dụng ngôn ngữ, người phát ngôn không chỉ thuần túy chuyển tải thông tin khách quan mà còn nhằm tác động vào người thụ ngôn, chinh phục đối tượng hoặc thể hiện sự đánh giá tình cảm của mình... Trong cuộc sống, có lắm trường hợp

người nói không kiềm chế trước một sự việc gì đó nên bực dọc, tức giận hoặc do đố kỵ, ghen ghét, cứ phát ngôn cho hả giận, bỗ tức và sau đấy lại phải âm thầm hối hận, day dứt khôn nguôi. Nó không chỉ ảnh hưởng tới tình cảm, rạn nứt mối quan hệ mà còn làm hủy hoại thanh danh, thay đổi cái nhìn của người khác về mình. Ngôn ngữ có sức mạnh thật diệu kì. Chính vì thế, tục ngữ người Việt và tục ngữ các nước đều có nhiều câu nêu lên các quan niệm, những triết lí thật giá trị và đáng suy ngẫm. Sự tương đồng về tính triết lí; những lời khuyên khi giao tiếp giữa tục ngữ người Việt và tục ngữ các dân tộc khác càng cho thấy giá trị của lời ăn tiếng nói và càng hiểu, càng trân trọng hơn câu tục ngữ của nhân dân ta:

Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Trần Thuý Anh*, Sự duy tình trong ứng xử xã hội của người Việt, *Thông báo Văn hoá dân gian, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Nghiên*

cứu Văn hoá dân gian, Nxb KHXH, H., 2002.

2. *Chu Xuân Diên*, Tục ngữ Việt Nam, *Nxb KHXH, H., 1998.*

3. *Gerd De Ley*, Từ điển tục ngữ thế giới (dịch giả Lê Thành), *Nxb Lao động, 2005.*

4. *Vương Trung Hiếu*, Tục ngữ các nước trên thế giới, *Đồng Nai, 1998.*

5. *Nguyễn Văn Nờ*, Lô gích ngôn giao trong tục ngữ Việt Nam, *T/c Ngôn ngữ & Đời sống, Số 3, 2002.*

6. *Nguyễn Văn Nờ*, Triết lí về giao tiếp trong tục ngữ người Việt, *Kiến thức Ngày nay, Số 574, 2007.*

7. *Trần Ngọc Thêm*, Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam, *Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 2004.*

8. *Nguyễn Văn Thông*, Tìm hiểu văn hoá ứng xử của người Việt qua tục ngữ, *Văn hoá Dân Gian, Số 2 (70), 2000.*

9. *Nguyễn Đức Tồn*, Đặc trưng văn hoá - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy, *Nxb KHXH, H., 2008.*